

Số: 42/2018/DS-PT

Ngày : 12/3/2018

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam.

Các Thẩm phán:

Ông Lê Sơn Hà

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc “ *Tranh chấp về thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017DS-ST, ngày 06, 07/9/2017 của Tòa án nhân dân quận HK bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thu T - sinh năm 1951 (*Có mặt*).

Hộ khẩu thường trú: Số 26 BT, phường TT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ nơi ở: Số 37A ngõ 318/100 Đường LT, quận ĐĐ, Hà Nội.

Bị đơn: Ông Lê Toàn Thng - sinh năm 1954 (*Có mặt*).

Hộ khẩu thường trú: Số 5 ngõ VK, phố THĐ, phường CN, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1995; Trú tại: số 32 ngách 91/32 phố CL, phường LT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội (*Vắng mặt*).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Quang H - Luật sư Văn phòng Luật sư HL, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (*Có mặt*).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Toàn Th - sinh năm 1957 (*Có mặt*).

Hộ khẩu thường trú: số 14 ngách 174/27 MAT, phường OCD, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

2. Bà Lê N - sinh năm 1964 (*Vắng mặt*).

Hộ khẩu thường trú: 94 phố THĐ, phường CN, HK, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Lê Văn P (sinh năm 1915, chết ngày 07/12/1992) và cụ Hoàng Thị Bích T (sinh năm 1928, chết ngày 25/9/2012) sinh được 03 người con là: bà Lê Thu T, ông Lê Toàn Thng và ông Lê Toàn Th. Ngoài ra bố mẹ bà không có con nuôi, con riêng nào khác.

Sau khi bố bà là cụ P mất, ngày 19/6/2002 mẹ bà là cụ T đã mua tài sản là căn nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội (gọi tắt là nhà số 5 ngõ VK) và sang tên cụ T theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105015023, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/5/2000. Nhà số 5 ngõ VK là tài sản riêng của cụ T vì bố bà đã chết từ lâu nên không phải tài sản chung vợ chồng của cụ P và cụ T. Năm 2002 khi mua, nhà số 5 ngõ VK đã xây dựng 04 tầng, 01 tum như hiện trạng bây giờ. Chị em bà không đóng góp tiền mua nhà và xây dựng, sửa chữa gì.

Ngày 25/9/2012 cụ T chết không để lại di chúc. Kể từ thời điểm mẹ bà qua đời, chị em trong gia đình thống nhất để ông Thng tiếp tục sử dụng nhà số 5 ngõ VK do cụ T để lại, tạm thời chưa bàn bạc gì về việc chia tài sản này. Đến năm 2016 bà và ông Th nói chuyện với ông Thng để phân chia tài sản thừa kế thì ông Thng không nhất trí và đề nghị giữ nguyên để ông Thng tiếp tục sử dụng nhà số 5 ngõ VK. Ba chị em trong gia đình đã tổ chức họp nhiều lần để hòa giải nhưng không thành. Ngày 07/01/2016 ông Lê Toàn Thng và bà Lê N ký Hợp đồng thuê nhà tại tầng 1 nhà số 5 ngõ VK không có ý kiến của bà và ông Th là những người thừa kế của cụ T là không đúng quy định pháp luật. Nay bà có đơn khởi kiện và đề nghị như sau:

1. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ T là căn nhà số 5 ngõ VK đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội. Bà đề nghị tòa giao nhà số 5 ngõ VK cho bà và ông Th, bà và ông Th cam kết thanh toán phần giá trị tài sản thừa kế cho ông Thng trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng thuê nhà ký ngày 07/01/2016 giữa ông Lê Toàn Thng và bà Lê N.

Bị đơn và đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Ông Thng cho rằng cụ T chưa cải táng mà anh em trong gia đình đã nộp đơn ra Tòa đòi chia thừa kế. Ông và anh em trong gia đình sẽ bàn việc chia tài sản sau khi bốc mộ cụ T theo đúng phong tục và đạo lý.

Bị đơn cho rằng, nội dung trình bày trong đơn của bà T là sai sự thật và yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ bởi các lý do sau:

- Tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp ngày 25/04/2000 đã được chia theo thỏa thuận của các đồng thừa kế là ông Thng, bà T, ông Th. Theo đó cả 3 người thống nhất chia như sau: tầng 1 của căn nhà để cho thuê và số tiền thuê được chia đều cho cả 3 chị em, tầng 2 được chia cho ông Thng và do ông là con trưởng nên bàn thờ cũng được đặt ở đây, tầng 3 chia cho ông Th, tầng 4 chia cho bà T. Sau đó cả 3 người đã thực hiện đúng như thỏa thuận trên. Nội dung thỏa thuận này cũng hoàn toàn đúng với di nguyện của cụ T khi còn sống là: *“Mẹ cấm không được bán nhà cho ai, để làm nơi thờ cúng tổ tiên.”*

- Yêu cầu khởi kiện của bà T trong đơn khởi kiện ngày 05/01/2017 là chia thừa kế một phần nhà số 5 ngõ VK cho người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà T và ông Th. Trong khi đó ông Thng là con trưởng, đồng thời là chủ hộ và là con ruột của cụ T thì lại không được nhắc đến trong yêu cầu chia thừa kế trên.

- Trong đơn khởi kiện của bà T có nêu trong năm 2016, ba người thừa kế đã nhiều lần tổ chức họp mặt gia đình, nhiều lần nhờ tới những người có địa vị trong gia đình hòa giải nhưng ông Thng vẫn nhất quyết muốn sử dụng nhà số 5 ngõ VK và không phân chia cho các anh em trong nhà. Điều này là hoàn toàn không đúng sự thật bởi thực tế nhà số 5 ngõ VK đã được chia như đã trình bày và đến năm 2016 khi phát sinh tranh chấp ông Thng là người chủ động đề nghị họp mặt gia đình với sự có mặt của ông Hoàng K là em ruột của cụ T. Tuy nhiên, ông Th và bà T luôn lấy lý do bận công việc nên đến nay vẫn chưa tổ chức họp mặt gia đình được.

Đề nghị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Toàn Th trình bày:

Ông hoàn toàn đồng ý với nội dung bà T đã viết trong đơn khởi kiện. Nhà số 5 ngõ VK là do cụ T tạo lập lên, chị em ông không có bất kỳ đóng góp gì vào tài sản này. Ông và ông Thng đã trao đổi nhiều về việc chia thừa kế nhà số 5 ngõ VK nhưng không thống nhất. Ông không đồng ý việc ông Thng nhất quyết giữ nhà số 5 ngõ VK để quản lý sử dụng riêng. Ông nhất trí đề nghị Tòa án chia thừa kế nhà số 5 ngõ VK cho 03 chị em ông.

Nhà số 5 ngõ V K hiện nay là do cụ T một mình xây dựng lên và vẫn giữ nguyên trạng cho đến nay, ông Thng không có đóng góp cũng như thay đổi gì trong quá trình tạo lập nhà. Đồng thời ông Thng cũng thường xuyên cư trú trong Thành phố Hồ Chí Minh, một năm chỉ ra Hà Nội một thời gian ngắn khoảng một hai tháng gì đó. Hiện nay ông Thng cũng không có nhu cầu sử dụng mà cho bà Lê N thuê, quản lý nhà số 5 ngõ VK và sử dụng tiền thuê nhà cho mục đích cá nhân ông Thng. Vì vậy ông đề nghị quý tòa giao nhà số 5 ngõ VK cho ông và bà T quản lý, sử dụng để thờ cúng các cụ, đồng thời căn cứ vào các quy định của pháp luật bảo vệ quyền tài sản chính đáng của ông và bà T. Ông và bà T cam kết sẽ cùng nhau thanh toán phần giá trị tài sản thừa kế cho ông Lê Toàn Thng theo phán quyết của Tòa án nhân dân quận HK trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà số 5 ngõ VK mang tên cụ T ông đang giữ.

2. Bà Lê N trình bày:

Ngày 07/01/2016 bà và ông Lê Toàn Thng ký Hợp đồng thuê phần diện tích tầng 1 (của ngôi nhà 05 tầng) tại địa chỉ số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, thành phố Hà Nội để làm văn phòng và kho bãi; thời hạn thuê 03 năm (tính từ ngày 07/01/2016); giá thuê 08 triệu đồng/tháng. Nộp tiền 06 tháng/lần. Đợt 1 bà giao 48 triệu đồng tương đương với 06 tháng cho ông Lê Toàn Th, các đợt tiếp theo thì bà trả trực tiếp cho ông Lê Toàn Thng. Trong suốt thời gian thuê, bà T, ông Th nhiều lần đến nhà biết về việc bà đang thuê ở đây, hai ông bà đồng ý và không có ý kiến gì. Cuối năm 2016 bà T nói là không muốn để bà thuê nữa. Tuy nhiên ông Thng vẫn tiếp tục để bà thuê, hợp đồng vẫn chưa hết thời hạn. Trong quá trình thuê bà không sửa chữa, cải tạo diện tích thuê và chỉ sử dụng nguyên trạng.

Bà đề nghị Toà án các cấp giải quyết vắng mặt bà.

Tại bản án số 08/2017/DS-ST, ngày 06, 07/9/2017 của Tòa án nhân dân quận HK đã xét xử.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thu T đối với ông Lê Toàn Thng về việc chia thừa kế di sản của cụ Hoàng Thị Bích T.

2. Xác định cụ Hoàng Thị Bích T chết vào ngày 25/9/2012. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hoàng Thị Bích T vào ngày 25/9/2012.

3. Xác định Căn nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105015023, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 24/5/2000 mang tên cụ Hoàng Thị Bích T có giá trị: 10.333.752.480đồng là di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị Bích T.

4. Ông Lê Toàn Thng được hưởng thù lao quản lý di sản là: 180.000.000đồng.

5. Chia di sản thừa kế còn lại của cụ Hoàng Thị Bích T là : 10.153.752.480đồng theo pháp luật cho bà Lê Thu T, ông Lê Toàn Thng và ông Lê Toàn Th mỗi người được hưởng 1/3 (một phần ba) có giá trị là: 3.384.584.160đồng. Cộng với số tiền thù lao quản lý di sản, riêng ông Lê Toàn Thng được là: 3.564.584.160đồng.

6. Chia hiện vật cho bà Lê Thu T và ông Lê Toàn Th được hưởng toàn bộ Căn nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105015023, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 24/5/2000 mang tên cụ Hoàng Thị Bích T có giá trị: 10.333.752.480đồng.

+ Bà Lê Thu T phải thanh toán cho ông Lê Toàn Thng số tiền là: 1.782.293.580đồng.

+ Ông Lê Toàn Th phải thanh toán cho ông Lê Toàn Thng số tiền là: 1.782.293.580đồng.

7. Đình chỉ giải quyết Tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng thuê nhà ký ngày 07/01/2016 giữa ông Lê Toàn Thng và bà Lê N.

8. Bà Lê Thu T và ông Lê Toàn Th hoàn tất thủ tục đăng ký sang tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở căn nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105015023, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp

ngày 24/5/2000 mang tên cụ Hoàng Thị Bích T tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Buộc bà Lê N phải bàn giao tầng 1, nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội cho bà Lê Thu T và ông Lê Toàn Th.

10. Buộc ông Lê Toàn Thng phải bàn giao nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội cho bà Lê Thu T và ông Lê Toàn Th.

11. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 15/9/2017 ông Lê Toàn Thng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì không đánh giá đúng sự thật khách quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn sau khi phát biểu ý kiến đề nghị hoãn phiên tòa, tạo điều kiện để các bên hòa giải tìm phương án giải quyết. Trường hợp không hoãn phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về Tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong thời hạn luật định, bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

Đối với sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị Y là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Toàn Thng và sự vắng mặt của bà Lê N là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà ông Thng đề nghị được tự trình bày ý kiến của mình mà không cần uỷ quyền cho bà Y. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Thời hiệu khởi kiện:

Cụ Hoàng Thị Bích T chết ngày 25/9/2012 không để lại di chúc. Ngày 05/01/2017 bà T khởi kiện tranh chấp về thừa kế đối với di sản của cụ T là nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Hà Nội đối với ông Thng. Căn cứ khoản 1 điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 bà T khởi kiện là còn trong thời hiệu.

2.2 Về người thừa kế và di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất trình bày về quan hệ huyết thống trong gia đình:

Cụ Lê Văn Pg (sinh năm 1915, chết năm 1992) và cụ Hoàng Thị Bích T (sinh năm 1928, chết ngày 25/9/2012) sinh được 03 người con là bà Lê Thu T, ông Lê Toàn Thng và ông Lê Toàn Th, ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác.

- Ngày 19/6/2002 cụ T mua tài sản là nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Hà Nội và đã sang tên cụ T tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105015023, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 24/5/2000 đứng tên cụ Lê Thị M. Do cụ P chết ngày 07/12/1992 trên cơ sở lời khai thống nhất của bà T, ông Thng, ông Th xác định tài sản nêu trên là tài sản riêng của cụ T.

- Cụ T chết ngày 25/9/2012 không để lại di chúc, các cụ thân sinh ra cụ T cũng đã chết từ lâu nên bà T, ông Thng và ông Th là những người được hưởng thừa

kế theo pháp luật đối với tài sản của cụ T là nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Hà Nội.

2.3 Về chia di sản thừa kế

- Theo Biên bản định giá tài sản ngày 25/4/2017, Di sản thừa kế của cụ T bao gồm giá trị xây dựng và giá trị quyền sử dụng đất tại nhà số 5 ngõ VK đường THĐ, phường CN, quận HK, Hà Nội có tổng trị giá là: 10.333.752.480đồng. Ông Thng, ông Th, bà T xác nhận có sửa chữa nhỏ, giá trị không cao, không yêu cầu thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi cụ T chết ngày 25/9/2012 thì chị em trong gia đình để ông Thng quản lý nhà số 5 ngõ VK của cụ T và hiện ông Thng cũng đang có Hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên. Do các bên không thỏa thuận được về công sức quản lý di sản, Tòa án cấp sơ thẩm xác định mỗi tháng ông Thng được 3.000.000đồng x 5 năm = 180.000.000đồng là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của ông Thng, do vậy cần xem xét tính công sức của ông Thng trong quá trình chung sống với hai cụ đã có công trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cụ lúc tuổi già, sau khi cụ T mất, ông Thng là người đứng ra tổ chức tang lễ và quản lý, trông nom di sản thừa kế, do vậy nên tính công sức cho ông Thng bằng 1/3 của một kỷ phần thừa kế là phù hợp. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Thng, sửa bản án sơ thẩm về phần này và tính lại như sau:

Trị giá di sản thừa kế của cụ T là: 10.333.752.480đồng : 3 = 3.444.584.160 đồng; 1/3 của một kỷ phần là 3.444.584.160 : 3 = 1.148.194.720 đồng.

Giá trị di sản thừa kế sau khi trừ 1/3 của một kỷ phần còn lại là: 10.333.752.480đồng - 1.148.194.720 đồng = 9.185.557.760đồng.

Kỷ phần Thừa kế của Bà T, ông Thng, ông Th mỗi người được hưởng là 9.185.557.760đồng : 3 = 3.061.852.587 đồng.

Ông Thng được cộng với số tiền công sức quản lý di sản là 3.061.852.587 đồng + 1.148.194.720 đồng = 4.210.047.307đồng.

Do bà T, ông Thng và ông Th đều muốn được sở hữu toàn bộ nhà đất tại số 5 ngõ VK đường THĐ, phường CN, quận HK, Hà Nội, tuy nhiên ông Thng không có điều kiện để thanh toán và đưa ra phương án thanh toán không phù hợp, không được các đồng thừa kế khác chấp thuận nên Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà số 5 ngõ VK cho ông Th, bà T sở hữu, sử dụng và có trách nhiệm thanh toán cho ông Thng số tiền 4.210.047.307đồng là kỷ phần thừa kế và công sức quản lý di sản là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Đối với Hợp đồng thuê nhà giữa ông Lê Toàn Thng và bà Lê N

Do bà T rút yêu cầu Tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng thuê nhà giữa ông Lê Toàn Thng và bà Lê N ký ngày 07/01/2016 nên Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu Tuyên bố vô hiệu và không xem xét đến các quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự trong Hợp đồng thuê nhà này là đúng quy định của pháp luật. Nếu có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Phát biểu của Luật sư là không có cơ sở nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Do kháng cáo của ông Lê Toàn Thng được chấp nhận một phần nên ông Thng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 609; 610; 611; 612; 613; 614; 616; 617; 618; 623; 649; 650; 651; 660; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.
- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST, ngày 06, 07/9/2017 của Toà án nhân dân quận HK.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thu T đối với ông Lê Toàn Thng về việc chia thừa kế di sản của cụ Hoàng Thị Bích T.
2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hoàng Thị Bích T là ngày 25/9/2012.

3. Xác định Căn nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105015023, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 24/5/2000 mang tên cụ Hoàng Thị Bích T có giá trị: 10.333.752.480đồng là di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị Bích T.

4. Ông Lê Toàn Thng được hưởng công sức quản lý di sản là: 1.148.194.720 đồng.

5. Chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị Bích T theo pháp luật cho bà T, ông Thng, ông Th cụ thể là:

- *Phần chia bằng giá trị:*

Giá trị di sản thừa kế của cụ Tần sau khi trừ tiền công sức quản lý di sản cho ông Thng còn lại là 10.333.752.480đồng - 1.148.194.720 đồng = 9.185.557.760đồng.

Kỷ phần Thừa kế của Bà T, ông Thng, ông Th mỗi người được hưởng là $9.185.557.760\text{đồng} : 3 = 3.061.852.587\text{ đồng}$.

Kỷ phần cả ông Thng được cộng với số tiền công sức quản lý di sản là $3.061.852.587\text{ đồng} + 1.148.194.720\text{ đồng} = 4.210.047.307\text{đồng}$.

- *Phần chia bằng hiện vật:*

Bà Lê Thu T và ông Lê Toàn Th được hưởng toàn bộ Căn nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105015023, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 24/5/2000 mang tên cụ Hoàng Thị Bích T có giá trị: 10.333.752.480đồng.

+ Bà Lê Thu T phải thanh toán cho ông Lê Toàn Thng số tiền là: 2.105.023.654đồng.

+ Ông Lê Toàn Th phải thanh toán cho ông Lê Toàn Thng số tiền là: 2.105.023.654đồng.

6. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà T, yêu cầu Tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng thuê nhà ký ngày 07/01/2016 giữa ông Lê Toàn Thng và bà Lê N. Nếu có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

7. Bà Lê Thu T và ông Lê Toàn Th hoàn tất thủ tục đăng ký sang tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở căn nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và

quyền sử dụng đất ở số 10105015023, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 24/5/2000 mang tên cụ Hoàng Thị Bích T tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Ông Lê Toàn Thng phải bàn giao nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội cho bà Lê Thu T và ông Lê Toàn Th.

9. Bà Lê N phải bàn giao toàn bộ phần thuê nhà tại tầng 1, nhà số 5 ngõ VK, đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội cho bà Lê Thu T và ông Lê Toàn Th.

10. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Về án phí:

- Ông Lê Toàn Thng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia thừa kế là: 112.210.047đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Thng đã nộp theo biên lai số 02251 ngày 25/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HK. Số tiền án phí ông Thng còn phải nộp là 111.910.047đồng.

- Bà Lê Thu T, ông Lê Toàn Th mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia thừa kế là: 74.123.705đồng.

Bà T được trừ số tiền 56.000.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 01746 ngày 23/01/2017 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HK. Số tiền án phí bà T còn phải nộp là 18.123.705đồng.

- Bà T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu Tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng thuê nhà ký ngày 07/01/2016 giữa ông Lê Toàn Thng và bà Lê N. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 02065 ngày 29/6/2017 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận HK.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận HK;
- Chi cục THADS quận HK;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam